

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-PT
Ngày 10-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung.

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên.

Ông Huỳnh Đắc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 04/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, có trụ sở tại: số 442 đường K, phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C: Ông Đỗ Minh T – Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C ủy quyền cho bà Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc Phòng quản lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần C theo văn bản ủy quyền số: 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019. Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Anh Đ: Ông Nguyễn Thanh P – Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần C theo văn bản ủy quyền số: 112/UQ-QLN.21 ngày 21/01/2021, địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A, 444A-446 Cách Mạng Tháng Tám, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lưu Tuấn L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Lưu Tuấn L:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1973 theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2021 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 1172/10 đường H, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: D5/169 tổ N, ấp T, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lưu Văn V, sinh năm 1945 (xin vắng mặt).

2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1949 (xin vắng mặt).

3. Ông Lưu Thanh T2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

4. Ông Lưu Hùng D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

6. Ông Lưu Hoàng P1, sinh năm 1998 (vắng mặt).

7. Bà Lưu Thị Cẩm H1, sinh năm 1972 (vắng mặt).

8. Ông Lưu Hùng T3, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H là bị đơn. Ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần C trình bày:

Lần 1: Tháng 8 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có cho ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay tiền để tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 14/8/2013 đến ngày 14/8/2016 với mức lãi suất 12,8%/năm được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TRA.CN.231.120813 ngày 13/8/2013; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số TRA.CN.328.120813 ngày 13/8/2013 và khế ước nhận nợ số TCBS 164454099 ngày 14/8/2013). Trong quá trình vay vốn, ông L và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 08/10/2014 Ngân hàng ra thông báo thu hồi trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán. Tính đến ngày 29/9/2020, ông L và bà H đã thanh toán nợ gốc được 29.169.000 đồng. Còn nợ vốn gốc 120.831.000 đồng, lãi trong hạn 10.351.050 đồng, lãi quá hạn 134.942.569 đồng. Tổng cộng các khoản là 266.124.619 đồng.

Lần 2: Tháng 9 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C cho ông L và bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiền để tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 14/9/2013 đến ngày 14/9/2016 với mức lãi suất 12,8%/năm được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TRA.CN.313.100913 ngày 11/9/2013; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số TRA.CN.320.100913 ngày 11/9/2013 và khế ước nhận nợ số TCBS: 166177489 ngày 14/9/2013). Trong quá trình vay vốn, ông L và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 08/10/2014, Ngân hàng ra thông báo thu hồi

trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay. Tính đến ngày 29/9/2020, ông L và bà H đã thanh toán được nợ gốc 16.668.000 đồng. Còn nợ vốn gốc 83.332.000 đồng, lãi trong hạn 7.114.795 đồng, lãi quá hạn 94.542.229 đồng. Tổng cộng các khoản là 184.989.024 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay nêu trên thì hộ gia đình ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh, do hộ ông Lưu Văn V đứng tên quyền sử dụng đất, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TRA.BĐCN.139.120813 được công chứng ngày 14/8/2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TRA.BĐCN.28.110913 được công chứng ngày 12/9/2013; Cam kết thế chấp ngày 13/8/2013 và ngày 11/9/2013 của hộ ông V và bà T1; Giấy cam kết ngày 05/8/2013 và 13/8/2013 của các thành viên hộ ông V và bà T1. Tài sản nêu trên, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Trà Vinh ngày 14/8/2013.

Nay, ông đại diện cho Ngân hàng yêu cầu ông L và bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 29/9/2020 là 451.113.643 đồng. Trong đó, vốn gốc 204.163.000 đồng, lãi trong hạn 17.465.845 đồng, lãi quá hạn 229.484.798 đồng. Ông L và bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 30/9/2020 đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng. Nếu ông L và bà H không có khả năng thanh toán tiền lãi và vốn gốc cho Ngân hàng, thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản mà hộ ông V và bà T1 đã thế chấp cho Ngân hàng, để Ngân hàng thu hồi các khoản tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn V, bà Trần Thị T1, thì ông V và bà T1 cũng thừa nhận có thể chấp tài sản để cho ông L vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, nay ông bà không có ý kiến gì để cho ông L quyết định.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lưu Thanh T2, ông Lưu Hùng D, bà Lê Thị H, ông Lưu Hoàng P1, bà Lưu Thị Cẩm H1 và ông Lưu Hùng T3 vắng mặt nên không có lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Buộc ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 451.113.643 đồng. Trong đó, vốn gốc 204.163.000 đồng, lãi trong hạn 17.465.845 đồng, lãi quá hạn 229.484.798 đồng.

Trường hợp ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát

mãi tài sản bảo đảm đối với: Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P098314 do Ủy ban nhân dân huyện Càng Long cấp ngày 19/5/2000, cập nhật chuyển nhượng, thay đổi diện tích ngày 21/11/2001. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TRA.BĐCN.139.120813, ngày 13/8/2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TRA.BĐCN.28.110913, ngày 11/9/2013 giữa ông Lưu Tuấn L, bà Trần Thị Kim H, ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C để đảm bảo thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TRA.CN.231.120813 ngày 13/8/2013; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số TRA.CN.328.120813 ngày 13/8/2013; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TRA.CN.313.100913 ngày 11/9/2013; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số TRA.CN.320.100913 ngày 11/9/2013 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020 ông Lưu Tuấn L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020 bà Trần Thị Kim H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 25 tháng 10 năm 2020 ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Đại diện của ông Lưu Tấn L là bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan và đề nghị y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của ông Lưu Tuấn L, bà Trần Thị Kim H, ông Lưu Văn V, bà Trần Thị T1 và giữ nguyên quyết định án của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Lưu Tuấn L, bà Trần Thị Kim H, ông Lưu Văn V, bà Trần Thị T1 còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

[1.2] Bà Trần Thị Kim H là bị đơn và ông Lưu Văn V, bà Trần Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Thanh T2, ông Lưu Hùng D, bà Lê Thị H, ông Lưu Hoàng P1, bà Lưu Thị Cẩm H1 và ông Lưu Hùng T3 không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Tuấn L là bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Tuấn L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị Kim H, ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Xét thấy, ngày 13/8/2013 và ngày 11/9/2013 ông L và bà H có vay tiền của Thương mại Cổ phần C. Hộ gia đình ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 có thế chấp diện tích 394m², thuộc thửa số 258, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh cho ông L và bà H vay số nợ trên. Trong quá trình vay tiền, ông L và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 08/10/2014 Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn. Đến ngày 07/5/2015 Ngân hàng khởi kiện, do đơn khởi kiện của Ngân hàng chưa đảm bảo thủ tục theo quy định của pháp luật nên ngày 27/4/2016 Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 37/2016/QĐST-DS (bút lục số 212). Đến ngày 28/11/2018 Ngân hàng tiếp tục làm đơn khởi kiện lần hai. Do đó, việc khởi kiện của Ngân hàng mang tính liên tục thì thời hiệu có tính liên tục kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc, nếu có sự kiện làm gián đoạn thì thời hiệu phải được tính lại từ đầu. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng được tính từ ngày khởi kiện lần đầu tiên là ngày 07/5/2015 nên yêu cầu của Ngân hàng còn thời hiệu khởi kiện.

Ngày 13/8/2013 và ngày 11/9/2013 ông L và bà H có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 250.000.000 đồng, trả được 45.837.000 đồng tiền vốn gốc, số tiền vốn gốc còn lại là 204.163.000 đồng. Khi vay tiền, ông L, ông V, bà T1 có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng thửa đất số 258, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông V và bà T1. Hai bên có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 13/8/2013, ngày 11/9/2013, cam kết thế chấp ngày 13/8/2013, ngày 11/9/2013, giấy cam kết ngày 05/8/2013, 13/8/2013 của các thành viên hộ ông V và bà T1. Nên cấp sơ thẩm buộc ông L và bà H trả vốn gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng, nếu ông L và bà H không trả được thì phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

Bà Trần Thị Kim H, ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của bà H, ông V và bà T1 là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà H, ông V và bà T1 đều vắng mặt. Đồng thời, qua kiểm tra hồ sơ vụ án thì cấp sơ thẩm không có vi phạm về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

[2.2] Cấp sơ thẩm tuyên, phát mãi thửa đất số 258, tờ bản đồ số 09 của hộ ông V để thu hồi vốn cho Ngân hàng nhưng không tuyên diện tích, loại đất và thành viên hộ là thiếu sót nên bổ sung cho đầy đủ.

[3] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim H, ông Lưu Văn V, bà Trần Thị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ông Lưu Tuấn L, bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông V và bà T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Tuấn L

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim H, ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 149, Điều 153, Điều 274, Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

2. Buộc ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 451.113.643 đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu, một trăm mười ba nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng*). Trong đó, vốn gốc 204.163.000 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn đồng*), lãi trong hạn 17.465.845 đồng (*Mười bảy triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng*), lãi quá hạn 229.484.798 đồng (*Hai trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi bốn đồng, bảy trăm chín mươi tám đồng*).

3. Trường hợp ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm đối với thửa đất số 258, tờ bản đồ số 09, diện tích 394m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1, hộ gia đình Ông V gồm ông Lưu Văn V, bà Trần Thị T1, ông Lưu Tuấn L, ông Lưu Thanh T2, ông Lưu Hùng D, bà Lê Thị H, ông Lưu Hoàng P1, bà Lưu Thị Cẩm H1 và ông Lưu Hùng T3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P098314 do Ủy ban nhân dân huyện Càng Long cấp ngày 19/5/2000, cập nhật chuyển nhượng, thay đổi diện tích ngày 21/11/2001 để đảm bảo thu hồi nợ.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lưu Tuấn L và bà Trần Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TRA.CN.231.120813 ngày 13/8/2013; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số TRA.CN.328.120813 ngày 13/8/2013; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TRA.CN.313.100913 ngày 11/9/2013; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số TRA.CN.320.100913 ngày 11/9/2013 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Lưu Tuấn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003740 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Buộc bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003976 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn V và bà Trần Thị T1.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung